

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các doanh nghiệp, cá nhân cung cấp hàng hóa

Trường THCS Hành Nhân đang có nhu cầu sửa chữa cơ sở vật chất của Trường. Vì vậy Trường THCS Hành Nhân có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu xây dựng cơ sở vật chất, làm cơ sở tổ chức thông qua lựa chọn nhà thầu cho gói “ sửa chữa cải tạo nhà lớp học 4 phòng 2 tầng, cải tạo tường rào phía nam” của Trường THCS Hành Nhân với nội dung kinh phí như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trường THCS Hành Nhân
2. Thông tin liên hệ: 0935275596 (Nguyễn Đá - Hiệu Trưởng) hoặc 0837356714 (Huỳnh Thị Phương Dung – Kế Toán)
3. Cách thức tiếp nhận báo giá
 - Nhận trực tiếp tại: Trường THCS Hành Nhân, Thôn Đông Trúc Lâm, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam (trong giờ hành chính).
 - Hoặc nhận qua mail: dunghanhnhan@gmail.com
4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày đăng thông báo. Sau thời gian 06 ngày trường sẽ dừng nhận thư báo giá và họp công khai báo giá các đơn vị, doanh nghiệp đã gửi, đồng thời sẽ tổ chức lựa chọn đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực và báo giá hàng hóa phù hợp với tiêu chí Trường đề ra để làm căn cứ mua sắm cho đơn vị trường.
5. Thư mời này được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Trường THCS Hành Nhân: <http://c2hanhnhan-phuocgiang.quangngai.edu.vn>
6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục sửa chữa cơ sở vật chất của trường (có phụ lục kèm theo).
2. Nhà cung cấp, doanh nghiệp cung cấp hồ sơ năng lực kèm theo báo giá gói sửa chữa CSV.
3. Địa điểm cơ sở vật chất: Trường THCS Hành Nhân, Thôn Đông Trúc Lâm, xã Phước Giang.

III. Nguồn vốn:

Theo Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 10 tháng 06 năm 2026 của Ủy ban nhân xã Phước Giang về việc cấp kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn xã.

Rất mong được sự quan tâm và hợp tác của các tổ chức, nhà cung cấp.

Nơi nhận:

- Website trường THCS Hành Nhân;
- Lưu KT, VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đá

Phụ Lục
Kèm theo thư mời số 31 /TM-CSHN ngày 10 / 07/2026

TT	Hạng mục công việc	Mô tả chi tiết	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
	Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo Nhà lớp học 04 phòng 02 tầng				
	Phần mái				
1	Tháo dỡ mái Fibroxi măng chiều cao $\leq 16m$		m2	157,5600	
2	Tháo dỡ kết cấu gỗ bằng thủ công, chiều cao $\leq 28m$		m3	1,9796	
3	Gia công xà gồ thép		tấn	0,7050	
	Phần chống thấm				
4	Lắp dựng xà gồ thép		tấn	0,7050	
5	Lợp mái che tường bằng tôn múi, chiều dài bất kỳ		100m2	1,6968	
6	Lắp đặt cùm chống bão		cái	404,0000	
7	Phá dỡ lớp kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái		m2	80,6000	
8	Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng		m2	80,6000	
9	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40		m2	80,6000	
10	Láng sê nô, mái hắt, máng nước dày 1cm, vữa XM M100, PCB40		m2	80,6000	
	Phần Sơn tường				
11	Vệ sinh tường trong nhà		m2	736,2130	
12	Vệ sinh tường ngoài nhà		m2	268,1950	
13	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40		m2	36,8107	
14	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40		m2	13,4098	
15	Quét vôi 1 nước trắng		m2	1.004,4080	
16	Sơn dầu, trần, tường trong nhà đã bảo bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ		m2	736,2130	
17	Sơn dầu, trần, tường ngoài nhà đã bảo bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ		m2	268,1950	
18	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16m$		100m2	3,5208	
	Lan can tầng 2				
19	Gia công lan can		tấn	0,1582	

20	Lắp dựng lan can sắt		m2	20,6000	
21	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ		1m2	16,2880	
	Hạng mục: Cải tạo tường rào phía nam				
	Phá dỡ tường rào cũ				
1	Tháo dỡ lưới B40		m2	135,1000	
2	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤ 11 cm		m3	4,8250	
3	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kw		m3	1,9800	
4	Đào móng bằng máy đào 0,4m3, chiều rộng móng ≤ 6 m - Cấp đất III		100m3	0,5560	
	Tường rào				
5	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤ 250 cm, M150, đá 4x6, PCB40		m3	2,4720	
6	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤ 250 cm, M200, đá 1x2, PCB40		m3	3,4300	
7	Ván khuôn thép móng cột		100m2	0,1946	
8	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤ 10 mm		tấn	0,1684	
9	Bê tông cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, TD $\leq 0,1$ m2, chiều cao ≤ 6 m, M200, đá 1x2, PCB40		m3	3,7800	
10	Ván khuôn cột vuông, chữ nhật, chiều cao ≤ 28 m		100m2	0,7506	
11	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, ĐK ≤ 10 mm, chiều cao ≤ 6 m		tấn	0,0870	
12	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, ĐK ≤ 18 mm, chiều cao ≤ 6 m		tấn	0,3916	
13	Đắp nền móng công trình bằng thủ công		m3	1,4415	
14	Xây móng bằng đá chẻ 15x20x25cm, vữa XM M75, PCB40		m3	6,9510	
15	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90		100m3	0,4032	
16	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤ 6 m, M200, đá 1x2, PCB40		m3	5,7180	
17	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, xà dầm, giằng, chiều cao ≤ 28 m		100m2	0,6195	

18	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$		tấn	0,2360	
19	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$		tấn	0,4949	
20	Xây tường thẳng gạch (7,5x11,5x17,5)cm, chiều dày 11,5cm, Chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM mác 75		m ³	19,7271	
21	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40		m ²	343,0800	
22	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40		m ²	25,2000	
23	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40		m ²	85,7700	
24	Quét vôi 3 nước trắng		m ²	454,0500	
25	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ		m ²	454,0500	